

Bản án số: 31/2022/DS-ST

Ngày: 24-5-2022

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Trường Hận.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hồ Thị Hoa.

2. Bà Phạm Thanh Tuyền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Ý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2022 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2019/TLST-DS ngày 28/01/2019 về việc “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 44/2022/QĐST-DS ngày 04/5/2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông D, sinh năm 1969 và bà T, sinh năm 1969; địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Kiên Giang. (*Ông D có đơn xin vắng, bà T có mặt*)

- Bị đơn: Ông T1, sinh năm 1960 và bà L, sinh năm 1963; địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện M, tỉnh Kiên Giang. (*Ông T1 có đơn xin vắng, bà L vắng mặt không lý do*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày: Vợ chồng ông D, bà T có tổ chức chơi hụi, vợ chồng ông T1, bà L có tham gia chơi hụi do bà T làm chủ. Ngày 06/11/2012 vợ chồng bà L tham gia 02 dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng. Hai dây hụi này có 27 thành viên; dây thứ nhất bà L hốt lần thứ 09 vào ngày 06/7/2013, bà L phải đóng hụi chết là 18 lần là 36.000.000 đồng. Dây hụi thứ 02 bà L đóng hụi

sống được 4.000.000 đồng. Hai dây hụi mãi vào năm 2015. Trừ hụi đã đóng thì bà L còn nợ 32.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi 32.000.000 đồng.

Ngày 10/9/2021 nguyên đơn rút yêu cầu đối với ông T1, chỉ yêu cầu bà L trả tiền. Tại phiên tòa bà T yêu cầu bà L trả số tiền 32.000.0000 đồng.

- *Bị đơn vắng mặt phiên tòa, tại biên bản ghi lời khai ngày 10/6/2021 ông T1 trình bày:* Ông không biết gì về việc bà L chơi hụi. Số tiền bà L hốt hụi dùng làm việc gì ông không biết, chỉ nghe bà L nói lo cho con cái trong gia đình. Bị đơn là bà L vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

- *Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng và chấp hành nội quy phiên tòa. Nguyên đơn ông D và bị đơn ông T1 có đơn xin vắng mặt, bà L vắng mặt lần hai không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là đúng quy định. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà L trả số tiền 32.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông D, bà T và bà L có hợp đồng góp hụi (Bà T là chủ hụi; bà L là thành viên), nay có tranh chấp ông D, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết nên xác định quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng góp hụi*”.

Ông D, ông T1 có đơn xin xét xử vắng mặt, bà L vắng mặt lần hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Vợ chồng bà T có làm chủ hụi, bà L tham gia thành viên chơi hụi. Ngày 06/11/2012 bà L tham gia 02 dây hụi, loại hụi 2.000.000 đồng/tháng. Dây thứ nhất bà L hốt lần thứ 09 vào ngày 06/7/2013, bà L phải đóng hụi chết là 18 lần, bằng 36.000.000 đồng. Dây hụi thứ 02 bà L đóng hụi sống được 4.000.000 đồng. Năm 2015 mãi hụi, trừ hụi sống qua hụi chết thì bà L còn nợ 32.000.000 đồng. Nguyên đơn yêu cầu bà L trả số tiền 32.000.000 đồng, bà L không có ý kiến phản hồi, căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xem đây là tình tiết có thật đương sự không cần phải chứng minh. Hơn nữa ông T1 cũng trình bày không biết bà L hốt hụi sử dụng tiền vào mục đích gì, chỉ nghe bà L nói lo cho con trong gia đình. Như vậy có thể xác định bà L có chơi hụi và có nợ tiền hụi ông D, bà T.

[3] Tại đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu ông T1 và bà L cùng trả nợ, nhưng ngày 10/9/2021 nguyên đơn rút yêu cầu đối với ông T1, chỉ yêu cầu bà L trả nợ vì ông T1 không biết và không liên quan. Đây là quyền lợi của nguyên đơn nhưng nguyên đơn tự nguyện rút nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự chấp thuận, chỉ buộc bà L trả nợ.

Từ những phân tích trên, thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu của ông D, bà T, buộc bà L trả số tiền 32.000.000 đồng là có cơ sở, đúng quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử thống nhất quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; buộc bà L phải chịu án phí sơ thẩm đối với nghĩa vụ phải thi hành là 32.000.000 đồng x 5% = 1.600.000 đồng. Ông D, bà T không chịu án phí nên được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 92, 147, 227, 228, 244, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 468, 471 của Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13; Điều 30 của Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về “*họ, họ, biêu, phurong*”; các Điều 6, 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1- Chấp nhận yêu cầu của ông D và bà T đối với bà L. Buộc bà L trả cho ông D, bà T số tiền **32.000.0000** đồng (Ba mươi hai triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông D, bà T cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hằng tháng bà L còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2- Án phí sơ thẩm: Buộc bà L chịu án phí là 1.600.000 đồng (Một triệu sáu trăm nghìn đồng).

Hoàn trả cho ông D và bà T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 800.000 đồng (Tám trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006103 ngày 24/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

3- Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

4- Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Trường Hận